

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 9 – 2022

V/v “TrA chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên

2. Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “TrA chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1973 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MT A, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Tú A, sinh năm: 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MT A, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của A Nguyễn Văn Ng ngày 18/7/2022; biên bản hòa giải ngày 26/8/2022, các đương sự thống nhất trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Tú A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, do mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến tình cảm sức mẻ, không còn hạnh phúc. Do đó, Anh chị yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân.

- Về con chung: Anh Ng, chị Tú A xác định có 01 người con chung là Nguyễn Tú Nh, sinh ngày 26/8/2000, hiện đang học Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn, do con đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Ng và chị Tú A xác định vợ chồng có 01 phần đất và nhà cất trên đất ngang 6m, dài khoảng 32m, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên đồng sở hữu với người khác (do mua chung để đủ diện tích tách quyền sử dụng); 01 phần đất trống ngang 23,8m, dài khoảng 60m, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ, chồng. Khi ly hôn, Anh Ng yêu cầu được nhận phần đất có nhà trên đất. Anh đồng ý giao lại phần đất trống cho chị Tú A và chị Tú A đồng ý nhận (Anh, chị sẽ về làm văn bản thỏa thuận riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết).

- Về nợ chung: Anh, chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Tú A là “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt đương sự: Xét thấy anh Ng và chị Tú A có yêu cầu xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng và chị Tú A theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Tú A có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1999 đến 2021. Theo anh Ng và chị Tú A xác định, giữa anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh Ng và chị Tú A đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay anh Ng và chị Tú A có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, anh chị luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, anh Ng và chị Tú A xác định tình cảm vợ, chồng giữa anh chị không còn nên anh chị đã tự ly thân 02 năm qua.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có

yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của anh Ng và chị Tú A đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Tú Nh, sinh ngày 26/8/2000, hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh Ng và chị Tú A xác định giữa anh chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Ng và chị Tú A khai nhận giữa anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Ng là nguyên đơn nên A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Ng và chị Tú A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Tú A.

2 - Về con chung: Hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

3 - Về tài sản chung: Anh Ng, chị Tú A xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Anh Ng và chị Tú A khai nhận giữa anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Ng phải chịu 300.000đ, ngày 18 tháng 7 năm 2022, anh Ng đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: 5138 được đối trừ chuyển thu.

6 - Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Tú A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải